

Nhân loại đang bước vào thế kỷ XXI, thế kỷ của cuộc cách mạng khoa học công nghệ, thế kỷ “khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp”, thế kỷ của nền kinh tế tri thức. Đối với mỗi nước, để nhanh chóng có được kinh tế tri thức trong tương lai; đòi hỏi cần phải giải quyết hai vấn đề cơ bản: một là phải có đầy đủ các nhân tố, các bộ phận cấu thành nền kinh tế tri thức và hai là phải có hình thức tổ chức sản xuất thích hợp nhằm phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực tạo sức mạnh tổng hợp thúc đẩy nền kinh tế Việt Nam phát triển nhanh, bền vững.

1. Kinh tế tri thức

Kinh tế tri thức, vấn đề dường như mới đối với Việt Nam trong quá trình xây dựng và phát triển; song lần giở trang sử nhân loại, kinh tế tri thức đã có mầm mống từ lâu. Nhớ lại, cách đây gần hai trăm năm, các nhà kinh tế học tuy chưa nói đến kinh tế tri thức, nhưng đã nhấn mạnh đến vai trò của trí thức. Năm 1819, trên tờ báo *Organisateur*, nhà kinh tế học Claude Henri Rouvroy Saint Simon (1760-1825) đã đưa ra giả thuyết: “Nếu nước Pháp mất hết những người trong hoàng tộc, tất cả những nhà quý phái, tất cả những ông thượng thư, tất cả thẩm phán và nhân viên cao cấp tham - chính - viện, tất cả thống chế... và mười ngàn địa chủ giàu nhất trong số những người sống sang trọng... thì quốc gia không hề bị thiệt hại gì”. Và để nhấn mạnh đến vai trò của trí thức mà ông gọi là “Thượng lưu trí thức” trong xây dựng xã hội mới xã hội nhân minh, theo ông không ai khác ngoài tầng lớp trí thức: “Đặt giả thuyết nước Pháp đột nhiên mất năm mươi vật lý gia giỏi nhất, năm mươi hóa học gia giỏi nhất, năm mươi sinh lý gia giỏi nhất, năm mươi hủ ngàn hàng giỏi nhất, hai trăm thương gia giỏi nhất, sáu trăm nông gia giỏi nhất, quốc gia sẽ qua một đại họa và trở thành một cái xác không hồn”. Ông cho rằng để tiến xứ sở thành một quốc gia rộng lớn vững đầu là phải trí thức. Ông cũng tưởng tượng ra một nghị viện gồm có các phòng: phòng sáng chế “mở đường khai lối”, phòng thi hành “coi xét những dự án công việc, soạn thảo và có thể đem áp dụng ngay”, phòng quan trọng nhất “phòng ưu tiên”...

Như vậy, mặc dù khái niệm về kinh tế tri thức chưa được đề cập một

Phát triển kinh tế tư bản nhà nước hướng tới nền kinh tế tri thức ở VN

TS. NGUYỄN HỮU THẢO



cách cụ thể, song họ đã nhận thức rõ vai trò quan trọng của tầng lớp trí thức trong xã hội. Ở Việt Nam, cách đây hơn năm thế kỷ, ông cha ta đã nêu ra một tư tưởng lớn về trí thức: “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh rồi lên cao, nguyên khí suy thì thế nước yếu rồi xuống thấp. Vì vậy, các bậc thánh đế minh vương chẳng ai không lấy việc bồi dưỡng nhân tài, kén chọn kẻ sĩ, vun trồng nguyên khí làm việc đầu tiên”. (Bút ký đề danh các tiến sĩ năm Nhâm Tuất 1442, khắc trên bia đá dựng ở Văn Miếu năm 1484). Hai trăm năm sau Lê Quý Đôn cũng đã tổng kết: “Phi nông bất ổn, phi công bất phú, phi thương bất hoạt, phi trí bất hưng”. Như vậy sự hưng thịnh của một quốc gia phụ thuộc rất lớn vào trình độ và sự cống hiến của đội ngũ trí thức.

Nói trí thức, là nói đến đội ngũ những người lao động chuyên làm việc lao động trí óc và có tri thức chuyên môn cần thiết cho hoạt động năng suất, hiệu quả của mình. Còn nói đến trí thức là nói đến những điều hiểu biết có hệ thống về sự vật, hiện tượng tự nhiên hoặc xã hội. Ngay từ năm 1995, tổ chức OECD đã đưa ra khái niệm kinh tế tri thức

(Knowledge Economy) và được nhiều nước trên thế giới hướng đến để xây dựng và phát triển nền kinh tế của mình.

Như vậy kinh tế tri thức, nếu diễn đạt từ góc độ các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất thì đó là một nền kinh tế có trình độ phát triển cao của lực lượng sản xuất. Điều đó được thể hiện ở đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao và chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng lao động xã hội, nhân tố quyết định sự phát triển của nền sản xuất. Xu thế vận động của nó là lao động cơ bắp (lao động chân tay) ngày càng giảm, lao động trí óc (lao động trí tuệ) ngày càng tăng lên. Gắn liền với đội ngũ lao động là phải tăng về chất và lượng các yếu tố sản xuất đầu vào tương ứng, tư liệu lao động phải ngày càng hiện đại, phải có nhiều đối tượng lao động mới, thậm chí chưa từng xuất hiện trong tự nhiên. Nền sản xuất xã hội muốn có các nhân tố đó; suy cho cùng là chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phân công lại lao động xã hội không chỉ trong phạm vi một quốc gia mà là trên phạm vi quốc tế. Nghĩa là nền sản xuất xã hội đòi hỏi phải phát triển một số ngành dựa trên trình độ công nghệ cao như: công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ

gien...Trên thế giới, một số nước đã hình thành các ngành kinh tế tri thức ngay từ thập niên 80 và phát triển nhanh trong thập niên 90 và nhất là trong những năm đầu của thế kỷ XXI: như công nghệ thông tin, Internet, thương mại điện tử, công nghệ phần mềm...

Nhận thức rõ vai trò quan trọng của nền kinh tế tri thức và con đường đi tới, Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, chỉ rõ: “Con đường công nghiệp hoá, hiện đại hóa của nước ta cần và có thể rút ngắn thời gian, vừa có những bước tuần tự, vừa có bước nhảy vọt. Phát huy những lợi thế của đất nước, tận dụng mọi khả năng để đạt trình độ công nghệ tiên tiến, đặc biệt là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học, tranh thủ ứng dụng ngày càng nhiều hơn, ở mức cao hơn những thành tựu mới về khoa học công nghệ, từng bước phát triển kinh tế tri thức. Phát huy nguồn trí tuệ và sức mạnh tinh thần của người Việt Nam”

Như vậy để có được nền kinh tế tri thức suy cho cùng các nhân tố cấu thành sản phẩm có hàm lượng lao động chất xám, lao động trí tuệ chiếm tỷ trọng lớn trong cấu thành sản phẩm, nền kinh tế phải mang lại hiệu quả cao; trên hai phần ba các ngành trong nền kinh tế quốc dân sản xuất ra các sản phẩm đó. Với đặc trưng của nền kinh tế tri thức nếu công nghiệp hoá-hiện đại hoá là quá trình tạo ra các yếu tố sản xuất, thì kinh tế tư bản nhà nước lại là hình thức tổ chức kinh tế kết hợp được sức mạnh tổng hợp của hai nhân tố tư liệu sản xuất và sức lao động mang lại hiệu quả cao không chỉ trong một quốc gia mà là trên phạm vi quốc tế.

2. Kinh tế tư bản nhà nước – Động lực phát triển

Sự cần thiết khách quan, sử dụng kinh tế tư bản nhà nước để xây dựng và phát triển kinh tế nói chung, kinh tế tri thức nói riêng và nhất là đối với những nước từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn đã được các nhà kinh điển đề cập phân tích làm sáng tỏ. V.I.Lênin khẳng định: “Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước là sự chuẩn bị vật chất đầy đủ nhất cho chủ nghĩa xã hội, không có nấc thang nào trung gian”. Sự cần thiết phát triển kinh tế tư bản nhà nước không chỉ nó là hình thức kinh tế trực tiếp, nhanh chóng nhất để đi lên chủ nghĩa xã hội, mà còn

sử dụng được sức mạnh tổng hợp của nền kinh tế trong từng giai đoạn lịch sử nhất định, theo V.I. Lênin là không có một nấc trung gian nào.

Sử dụng thành phần kinh tế tư bản nhà nước còn là cơ hội tốt nhất của Việt Nam trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Sở dĩ như vậy, vì công nghiệp hoá, hiện đại hóa là con đường cơ bản trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân, thúc đẩy năng suất lao động xã hội. Thông qua việc sử dụng kinh tế tư bản nhà nước, tiếp cận nhanh chóng những thành tựu mới nhất của khoa học công nghệ trên thế giới; đồng thời với sự kiểm kê, kiểm soát của Nhà nước, có được đường lối chủ trương, chính sách đúng đắn định hướng cho sự phát triển, mang lại hiệu quả cao.

Hơn thế, muốn hiện đại hóa nền kinh tế Việt Nam, tránh nguy cơ tụt hậu, phải nhanh chóng phát triển lực lượng sản xuất, phải gắn công nghiệp hóa, hiện đại hóa với việc sử dụng rộng rãi các hình thức kinh tế của chủ nghĩa tư bản nhà nước. Thông qua hình thức kinh tế đó không chỉ tranh thủ sức mạnh của tư bản tư nhân trong nước mà cả tư bản tư nhân và tư bản nhà nước của các nước trên thế giới. Khẳng định sự cần thiết khách quan của kinh tế tư bản nhà nước, Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX chỉ rõ: “Phát triển đa dạng kinh tế tư bản nhà nước dưới các hình thức liên doanh, liên kết giữa kinh tế nhà nước với kinh tế tư bản tư nhân trong nước và ngoài nước, mang lại lợi ích thiết thực cho các bên đầu tư kinh doanh”.

Với ý nghĩa đó, nếu quan điểm trước đây của V.I.Lênin cho rằng chủ nghĩa tư bản nhà nước là bắc những nhịp cầu nhỏ nối liền giữa sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn; thì ngày nay chúng tôi cho rằng chủ nghĩa tư bản là bắc những “chiếc cầu lớn, cầu bê tông cốt thép” để nối liền từ kinh tế nông nghiệp, kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức. Sở dĩ như vậy, vì chỉ có kinh tế tư bản nhà nước mới vận dụng được sức mạnh tổng hợp trên 2 mặt cơ bản nhất đó là sức mạnh kinh tế của các nhà tư bản về: vốn, kỹ thuật, công nghệ, tổ chức quản lý, thị trường tiêu thụ sản phẩm...sức mạnh của Nhà nước là nền tảng sản xuất xã hội, vừa có cơ sở kinh tế, vừa nắm các mạch máu chủ chốt, các ngành của nền kinh tế

quốc dân, kết hợp được sức mạnh tổng hợp này – phát triển kinh tế tư bản nhà nước, tất yếu thúc đẩy nhanh chóng lực lượng sản xuất phát triển.

Cũng cần nhấn mạnh rằng chủ nghĩa tư bản nhà nước là sản phẩm của lịch sử, là sự phát triển kinh tế-xã hội tất yếu. Chủ nghĩa tư bản nhà nước dưới góc nhìn kinh tế là kinh tế tư bản đạt trình độ cao. Lịch sử đã chứng minh rằng nếu tích lũy nguyên thủy tạo điều kiện tiền đề cho chủ nghĩa tư bản ra đời thì cuộc cách mạng công nghiệp khẳng định chủ nghĩa tư bản được xác lập và đứng vững trên đôi chân của nó. Đặc biệt cuộc khủng hoảng kinh tế năm 1873, một minh chứng cho thấy để đứng vững trong cạnh tranh buộc các nhà tư bản phải liên kết với nhau và hình thành các tổ chức tư bản độc quyền không chỉ trong phạm vi một ngành mà là nhiều ngành liên kết với nhau; không chỉ trong phạm vi của một quốc gia mà là trên phạm vi quốc tế. Sự phát triển của các tổ chức tư bản độc quyền làm cho lực lượng sản xuất tư bản được xã hội hóa cao song quan hệ sản xuất lại dựa trên chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa, giữa quyết mâu thuẫn đó nhân danh nhà nước tư sản đứng ra điều hành lực lượng sản xuất được xã hội hoá dẫn đến chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước xuất hiện. Sản phẩm tất yếu chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước là sự điều chỉnh quan hệ sản xuất thích ứng với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Chính vì lẽ đó chủ nghĩa tư bản đã nhanh chóng nắm bắt và vận dụng các thành tựu mới nhất của khoa học công nghệ trên thế giới, để làm cho nền kinh tế ngày càng phát triển. Do vậy, nếu không có kỹ thuật của tư bản, không có những phát minh của khoa học hiện đại, không có một tổ chức nhà nước mạnh có năng lực quản lý và mô nền kinh tế thị trường thì không thể nói đến chủ nghĩa xã hội được.

Kinh tế tư bản nhà nước là một hình thức tổ chức kinh tế, cũng giống như các thành phần kinh tế đang tồn tại trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đều chịu sự kiểm kê, kiểm soát của nhà nước. Các hình thức biểu hiện của nó rất phong phú: công ty cổ phần, liên doanh liên kết, trong nước, ngoài nước giữa các quốc gia với nhau, trong đó V.I. Lênin nhấn mạnh hai hình thức là t

vì tô nhượng như một phương thức kinh tế đối ngoại để thu hút đầu tư và kỹ thuật nước ngoài. Còn quan tâm, chú ý đến kinh tế hợp tác, chính là quan tâm đến hàng chục triệu người sản xuất nhỏ, để họ suy nghĩ trên lưng cày của mình từ đó mà họ gia nhập hợp tác, tạo sức mạnh tổng hợp cho sự phát triển sản xuất, nhằm đạt đến mục tiêu chung là phát triển kinh tế.

Thông qua việc phát triển kinh tế tư bản nhà nước cũng chính là quá trình học tập, sử dụng có chọn lọc, chuyển giao thành tựu khoa học công nghệ nói chung và khoa học quản lý kinh tế nói riêng của các nước tiên tiến trên thế giới, đến lượt nó phát triển kinh tế tư bản nhà nước lại tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện tốt các nhiệm vụ này.

Thực tiễn cho thấy tiềm năng kinh tế Việt Nam còn rất lớn về: vốn, kỹ thuật, lao động, quy mô, ngành nghề, lĩnh vực hoạt động, thị trường tiêu thụ sản phẩm... Do vậy, phát triển kinh tế tư bản nhà nước, thông qua liên doanh, liên kết hình thành các khu công nghệ cao sẽ có điều kiện tiếp cận các thành tựu mới của khoa học công nghệ trên thế giới, tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động; làm thay đổi bộ mặt nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phát triển kinh tế tư bản nhà nước không chỉ mang lại hiệu quả kinh tế mà còn là hiệu quả xã hội, kinh tế phát triển lợi ích kinh tế được đảm bảo, người lao động gắn bó với quá trình sản xuất, động lực kinh tế quan trọng thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

3. Những vấn đề đặt ra

Để đạt mục tiêu: "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh" hướng tới nền kinh tế tri thức, vấn đề đặt ra là phải phát triển nền sản xuất xã hội, phát triển kinh tế tư bản nhà nước, tạo sức sản xuất mới tạo ra nhiều sản phẩm về số lượng, chất lượng, chủng loại phong phú gắn với nhu cầu ngày càng tăng lên. Muốn vậy, cần giải quyết những vấn đề sau đây:

Một là, đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá- hiện đại hóa. Đây là giải pháp đầu tiên quan trọng nhất, chỉ có công nghiệp hoá- hiện đại hóa mới tạo đầy đủ điều kiện vật chất cần thiết, tạo cốt vật chất cho nền kinh tế tri thức trong tương lai. Hơn thế, đến lượt nó hoàn

thành công nghiệp hóa- hiện đại hóa, nhân tố động lực quan trọng cho việc sử dụng kinh tế tư bản nhà nước. Tiến hành công nghiệp hóa ở Việt Nam để trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân, nhanh chóng chuyển lao động thủ công khai thác đối tượng lao động có sẵn, năng suất lao động thấp; sang lao động sử dụng máy móc; sáng tạo nhiều đối tượng lao động mới, năng suất lao động cao. Cùng với quá trình công nghiệp hóa phải hiện đại hóa các cơ sở vật chất được trang bị, không chỉ chống nguy cơ tụt hậu mà còn tạo điều kiện tiếp cận nhanh với những thành tựu mới nhất, hiện đại nhất của khoa học công nghệ trên thế giới

Hai là, mở rộng phân công lao động quốc tế. Xuất phát từ yêu cầu phát triển kinh tế hàng hóa, quốc tế hóa và toàn cầu hóa. Muốn đa dạng hóa chủng loại sản phẩm thỏa mãn nhu cầu ngày càng tăng, tất yếu phải đa dạng hoá chủng loại lao động cụ thể, nghĩa là phải mở rộng phân công lao động xã hội không chỉ trong phạm vi quốc gia mà là trên phạm vi quốc tế, phải phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần; trong đó không thể thiếu kinh tế tư bản nhà nước. Để cập đến chất lượng sản phẩm là để cập đến chất lượng lao động cụ thể, chúng ta đều biết mỗi lao động cụ thể được xác định trên 4 đặc trưng, trong đó cấu thành cốt vật chất của sản phẩm là đối tượng lao động, còn sản phẩm đó được tạo ra như thế nào lại tùy thuộc vào tư liệu lao động, và phương thức hoạt động của nó. Thực hiện tốt các nhân tố trên đây không chỉ tiến hành công nghiệp hoá- hiện đại hóa là đủ mà còn phải phát triển kinh tế tư bản nhà nước tạo sức mạnh tổng hợp thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

Ba là, nâng cao trình độ sức lao động, trí thức hóa người lao động. Đây là một trong những giải pháp có ý nghĩa sống còn đối với sự phát triển của một quốc gia, yếu tố quan trọng nhất trong cấu thành các yếu tố của quá trình sản xuất, nhất là trong nền kinh tế tri thức, trong yêu cầu phát triển kinh tế tư bản nhà nước. V.I. Lênin đã khẳng định: "Lực lượng sản xuất hàng đầu của toàn thể nhân loại là người công nhân, lao động". Phải đào tạo nguồn lao động chất xám, lao động trí tuệ không chỉ để sử dụng các thành tựu mới của khoa học công nghệ trên thế giới

trong phát triển kinh tế tư bản nhà nước, mà còn là yêu cầu của kinh tế tri thức đòi hỏi cần phải sáng tạo những tư liệu lao động, và đối tượng lao động mới.

Cần chú trọng lĩnh vực giáo dục - đào tạo một cách toàn diện từ mẫu giáo đến đại học, sau đại học đội ngũ lao động có chất lượng cao. Đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp dạy và học trong tất cả các cấp học, thực hiện tốt phương châm giáo dục: học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn, nhà trường gắn liền với xã hội. Từng bước trang bị các điều kiện cần thiết và hiện đại phục vụ tốt cho việc dạy và học; như: trường, lớp, phòng học, phòng thực nghiệm, thí nghiệm, xưởng trường... Mở rộng mạng lưới đào tạo chính quy, không chính quy, bán công, tư thục, tại chức, chuyên tu... để có được đội ngũ lao động chất xám một cách toàn diện trong tất cả các ngành của nền kinh tế quốc dân.

Tăng ngân sách đầu tư cho giáo dục, đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, phải chú trọng đầu tư đối với tất cả các cấp học. Trong đầu tư cho giáo dục phải tính đến đặc thù của Việt Nam thích ứng với kiện cụ thể của đất nước về: kinh tế, chính trị, văn hóa, tư tưởng... Đồng thời phải cập nhật những thành tựu mới nhất của khoa học công nghệ trên thế giới. Đào tạo gắn với sử dụng nguồn lao động sao cho hiệu quả kinh tế cao nhất đối với nguồn vốn quan trọng này.

Bốn là, phát huy nội lực, mở rộng hình thức liên doanh, liên kết giữa nhà nước với kinh tế tư nhân trong nước. Khơi dậy và sử dụng có hiệu quả cao tiềm năng của kinh tế tư nhân, thu hút vào các hình thức hợp tác liên doanh, liên kết, biết sử dụng các thành phần kinh tế ở trong nước, đối với sự nghiệp công nghiệp hoá và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Nhà nước cần có quy hoạch và kế hoạch, quy hoạch là xác định rõ những lĩnh vực kinh tế nhà nước cần tiếp tục phát triển, chiến lược phát triển dài hạn, trung hạn, ngắn hạn làm cơ sở, tạo niềm tin cho quá trình liên doanh, liên kết ở trong nước và quốc tế. Cần có các chính sách kinh tế hợp lý, chính sách ưu đãi đối với một số ngành nghề để có thể huy động nguồn lực đầu tư vào sự phát triển nền kinh tế ở nước ta.

(Xem tiếp trang 59)

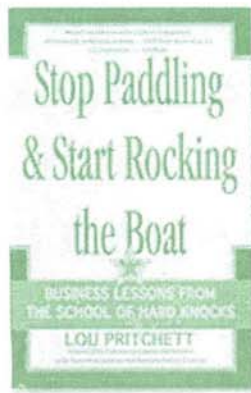
Úc, Trung Đông, Nam và Bắc Mỹ. Ông giảng dạy và trở thành một nhà giáo năng động. Ông diễn thuyết và được nhìn nhận là một trong những diễn giả được xếp hạng cao nhất trên thế giới. Ông viết sách và được nhiều người đọc noan nghênh. Nhiều sách báo và tạp chí, các doanh nhân thành đạt và danh tiếng đánh giá Pritchett là một nhà lãnh đạo hàng đầu trong việc lèo lái doanh nghiệp giữa bối cảnh thương mại toàn cầu không ngừng biến đổi nhanh chóng.

Với kinh nghiệm của một người dày dạn trên thương trường thế giới, Pritchett giải thích rằng trong bối cảnh toàn cầu hóa ngày nay, việc đổi mới không còn là một lựa chọn tùy theo ý thích của doanh nhân, mà nó là một đòi hỏi bắt buộc, doanh nghiệp không đổi mới thì không thể sống sót!

Sang thế kỷ 21, Pritchett khảo sát ba tác nhân then chốt có ảnh hưởng to tát đối với khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp:

1. Môi trường tiếp thị toàn cầu đang thay đổi (the changing global marketing environment): Để cạnh tranh thắng lợi trong môi trường tiếp thị mới mẻ này các nhà cung cấp không phải chỉ thay đổi quan niệm cũ, tư duy cũ của họ về khách hàng, mà còn phải thay đổi cách tổ chức để phục vụ khách hàng.

2. Nhu cầu phải hợp tác vì lợi ích



khách hàng (the necessity of partnering): Điều thiết yếu là phải định hướng lại sự tập trung các nỗ lực của doanh nghiệp. Thay vì chỉ đơn giản sản xuất ra thành phẩm rồi đem bán cho khách hàng, ngày nay nhà sản xuất phải biết liên kết với khách hàng theo kiểu hợp tác cùng vì lợi ích của cả hai bên.

3. Nhân tố con người (the people factor): Doanh nghiệp phải nhận thức rằng cái gì là lợi thế cạnh tranh hàng đầu của mình. Đó là phải biết huấn luyện, nâng cao phẩm chất, bồi dưỡng lòng tận tụy của lực lượng lao động.

Năm tín điều cốt lõi của Lou Pritchett

1. Cái nhân tố then chốt giúp cho

một doanh nghiệp này vượt trội hơn hẳn những doanh nghiệp khác chính là khả năng sáng tạo và nuôi dưỡng bên bĩ tình yêu chân chính đối với nhà cung cấp, khách hàng, và nhân viên.

2. Hầu hết các doanh nghiệp mất cân đối, họ tập trung quan tâm cho sản phẩm tới 95% trong lúc chỉ dành cho khách hàng 5%.

3. Thay vì chỉ biết thỏa mãn theo nhu cầu của khách hàng, ngày nay doanh nghiệp muốn thành công lớn cần phải biết tìm hiểu để đáp ứng nhu cầu của khách hàng còn nhiều hơn cả lòng mong đợi của họ.

4. Mục tiêu của sự hợp tác giữa khách hàng và nhà cung cấp là tạo ra mối quan hệ hai bên đều có lợi.

5. Toàn bộ hệ thống doanh nghiệp sẽ bắt đầu chiết giảm được chi phí tổn kém khi nào lòng tin cây thay chỗ cho óc đa nghi.

Tại Mỹ và nhiều nước trên thế giới, sau khi tiếp cận và thực hành theo tư tưởng kinh doanh của Lou Pritchett, các doanh nghiệp lớn nhỏ, dù mới thành lập hay đã có bề dày lịch sử, đều nhìn nhận rằng ông đã giúp họ vượt qua những "sát phạt" không khoan nhượng trong bối cảnh kinh tế toàn cầu đang thay đổi đến chóng mặt như hiện nay ■

(Tiếp theo trang 23)

Nâng cao chất lượng ...

Thứ tư, Để bảo đảm cho quá trình phát triển của đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác Đảng và cán bộ quản lý phù hợp với tính đặc thù của doanh nghiệp cổ phần hóa. Đảng cần áp dụng qui chế sát hạch định kỳ đối với đội ngũ này. Chúng ta chấp nhận có chính sách thỏa đáng, đồng thời cũng có quyền đòi hỏi các cán bộ phải nỗ lực phấn đấu. Ai không có đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu công việc cần mạnh dạn chuyển đổi họ sang lĩnh vực công tác khác. Không nên để lại trong các doanh nghiệp những người yếu về chuyên môn, kém về phẩm chất chính trị và hạn chế về năng lực quản lý điều hành. Bởi vì vấn đề này không phải chỉ thuần túy là vấn đề uy tín của Đảng. Xét về lâu dài, nó

còn là vấn đề sống còn đối với chế độ, đối với mô hình doanh nghiệp cổ phần hóa, đối với toàn bộ nền kinh tế.

Thứ năm, Phải xem công việc tuyển chọn đào tạo, bồi dưỡng và đổi mới công tác cán bộ là công việc thường xuyên, liên tục. Một mặt cần thường xuyên đổi mới và cập nhật kiến thức thông qua trường lớp, mặt khác cần có một cơ chế đủ mạnh để thu hút đội ngũ cán bộ tự học tự nghiên cứu, nhằm không ngừng thích ứng với nhu cầu phát triển ngày càng cao của nền kinh tế thị trường.

Nâng cao năng lực, trình độ không chỉ giúp đội ngũ cán bộ chủ chốt của các doanh nghiệp hoàn thành nhiệm vụ chính trị cụ thể, mà còn góp phần nâng cao uy tín đội ngũ cán bộ của Đảng trong điều kiện mới, góp phần thắng lợi vào việc triển khai thực hiện có hiệu quả chủ trương đường lối chính sách

của Đảng. Dĩ nhiên, để làm tốt công việc trên đây, đổi mới chính sách cán bộ đang là vấn đề còn nhiều điểm cần phải được xem xét. Chúng tôi cho rằng đã đến lúc Đảng cần phải có một đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp về công tác Đảng trong lĩnh vực quản lý kinh tế nói chung, chuyên nghiệp hóa trong các doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa nói riêng. Chúng ta chỉ có một đội ngũ cán bộ giỏi với điều kiện, trước hết chúng ta phải có một hệ thống chính sách tuyển chọn đào tạo đúng, bố trí sử dụng hợp lý, đãi ngộ thỏa đáng. Thông qua đó Đảng mới có cơ sở tìm ra những cán bộ thực sự có năng lực, bồi dưỡng để họ trở thành những cán bộ chuyên ngành giỏi - hạt nhân cho Đảng trong lĩnh vực lãnh đạo quản lý nền kinh tế. Nhân tố bảo đảm thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ■